

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Que đếm hoặc bó chục; giấy và bút; có thể dùng lại vật sau mỗi nhiệm vụ.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc cả yêu cầu trước khi tính. Có thể dùng lại que để kiểm sau khi đã thử cách tính của mình.

Ở nhiệm vụ yêu cầu viết, em viết phép tính và câu trả lời. Nếu cần người lớn ghi giúp, ghi riêng phần được giúp; không lấy nét chữ đẹp hoặc tốc độ làm tiêu chí hiểu toán.

Bài 1 · tr. 01 Cộng thêm đơn vị, giữ nguyên chục

Mục tiêu Cộng số có hai chữ số với số đơn vị khi tổng đơn vị chưa đủ một chục.

Đề Câu 1 Tính $21 + 3$. Nói phần chục và phần đơn vị sau khi thêm.

Câu 1 · tr. 02 $21 + 3 = 24$.

Câu 2 · tr. 02 $32 + 5 = 37$.

Câu 3 · tr. 02 Số 4 là bốn đơn vị, phải ở dưới 5 đơn vị. $25 + 4 = 29$; 65 tương ứng thêm bốn chục, không đúng việc thêm bốn đơn vị.

Câu 4 · tr. 03 $42 + 6 = 48$. Khay có tất cả 48 thẻ. Bốn chục giữ nguyên; $2 + 6 = 8$ đơn vị.

Chỉ dùng các phép cộng có tổng ở cột đơn vị nhỏ hơn 10. Nếu tổng đơn vị đạt 10 thì chuyển sang nội dung có nhớ, ngoài bài này.

Quan sát trẻ giữ nguyên số chục và thêm đúng phần đơn vị; cho dùng vật để kiểm nhưng không đặt hộ chữ số.

Bài 2 · tr. 03 Cộng thêm chục, giữ nguyên đơn vị

Ví dụ 34 có ba chục và bốn đơn vị. Thêm 20 là thêm hai chục: có năm chục và bốn đơn vị, $34 + 20 = 54$. Thêm hai bó không phải chỉ thêm hai que.

Câu 1 · tr. 04 $24 + 30 = 54$.

Câu 2 · tr. 04 $41 + 20 = 61$.

Câu 3 · tr. 04 20 là hai chục, không phải hai đơn vị. $36 + 20 = 56$: ba chục cộng hai chục được năm chục, vẫn sáu đơn vị.

Câu 4 · tr. 04 $27 + 40 = 67$. Có tất cả 67 thẻ; $2 + 4 = 6$ chục, bảy đơn vị giữ nguyên.

Số 0 trong số tròn chục cho biết không có đơn vị rời. Không bỏ qua chữ số 0 khi giải thích cấu tạo.

Bài này không dùng tổng chục đạt mười chục. Trường hợp tròn chục tới 100 được học bằng cách nhẩm chục ở mô-đun sau.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 3 · tr. 05 **Gộp chục với chục, đơn vị với đơn vị**

Mục tiêu Giải thích phép cộng hai số có hai chữ số không nhớ qua chục và đơn vị.

Câu 1 · tr. 05 $32 + 15 = 47$.

Câu 2 · tr. 05 $43 + 26 = 69$.

Câu 3 · tr. 05 Một đơn vị cộng bốn đơn vị bằng năm; hai chục cộng ba chục bằng năm chục. $21 + 34 = 55$.

Câu 4 · tr. 05 $25 + 42 = 67$. Hai hộp có tất cả 67 thẻ.

Cho trẻ nêu giá trị của từng chữ số, không chỉ đọc hai kết quả cột rời rạc.

Tất cả tổng đơn vị trong bài nhỏ hơn 10; tổng chục cũng nhỏ hơn 10. Không cần đổi mười đơn vị thành một chục ở bài này.

Bài 4 · tr. 06 **Đặt tính cộng không nhớ**

Mục tiêu Đặt thẳng cột chục, đơn vị và tính phép cộng không nhớ trong 100.

Câu 1 · tr. 06 $42 + 36 = 78$.

Câu 2 · tr. 07 $56 + 12 = 68$.

Câu 3 · tr. 07 $63 + 4 = 67$. Số 4 phải thẳng cột đơn vị với chữ số 3 của 63.

Câu 4 · tr. 07 $4 + 13 = 17$ và $13 + 4 = 17$. Gộp cùng hai nhóm theo thứ tự khác vẫn có cùng tổng. Khi đặt tính, 4 thẳng cột đơn vị với 3.

Dòng kẻ dưới phép tính là nơi phân cách, không phải dấu trừ. Nêu rõ chữ số của từng cột trước khi tính.

B3 và B4 cùng một ý nghĩa cộng; đặt tính là cách ghi gọn việc gộp đã hiểu, không thay việc hiểu lượng.

Bài 5 · tr. 07 **Viết phép cộng cho câu chuyện trong 100**

Câu 1 · tr. 08 $24 + 13 = 37$. Cả hai giá có tất cả 37 sách.

Câu 2 · tr. 08 $31 + 25 = 56$. Bây giờ hộp có 56 thẻ.

Câu 3 · tr. 08 Sửa thành “Cả hai giá có tất cả 37 sách.” Các số đang chỉ số sách, không phải số hộp.

Câu 4 · tr. 08 $42 + 16 = 58$. Chấp nhận chuyện gộp hai nhóm hoặc thêm 16 vào nhóm 42, hỏi tổng sau cùng và trả lời 58 đúng loại vật. Ví dụ: Có 42 thẻ, thêm 16 thẻ; có tất cả 58 thẻ.

Hỏi “Đã biết gì? Cần tìm gì?” trước khi chọn phép tính; không dạy chọn dấu chỉ theo một từ khóa.

Nhiệm vụ 4 có nhiều chuyện đúng. Kiểm quan hệ giữa hai lượng và câu hỏi, không bắt trẻ chép lại ví dụ của người lớn.